

Số: 41 /TB-HĐTTCC

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi Vòng 2 kỳ thi tuyển công chức Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2023

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng thi tuyển công chức năm 2023;

Căn cứ kết quả thi Vòng 1 kỳ thi tuyển công chức Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2023 được tổ chức tại Học viện Hành chính Quốc gia ngày 11 tháng 5 năm 2023;

Hội đồng thi tuyển công chức Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2023 (sau đây gọi tắt là Hội đồng) thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2. Cụ thể như sau:

1. Về Danh sách thí sinh đủ điều kiện, được triệu tập dự thi Vòng 2 chi tiết tại **Phụ lục I** kèm theo.

2. Thời gian, địa điểm thi Vòng 2:

- Thời gian: Lịch thi đối với từng vị trí tuyển dụng được chi tiết tại **Phụ lục II** và **Phụ lục III** kèm theo;

- Địa điểm: Trụ sở Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 35 đường Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

3. Hình thức, nội dung và thời gian thi:

- Nội dung thi: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành.

Kiểm tra kiến thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Nội dung thi môn nghiệp vụ chuyên ngành căn cứ vào chức trách, tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn của ngạch công chức và phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển;

- Hình thức thi: Phỏng vấn;
- Thời gian thi: Thi phỏng vấn 30 phút (trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị);
- Tài liệu tham khảo, ôn tập: Hội đồng không tổ chức ôn thi. Thí sinh có thể nghiên cứu, ôn tập theo Danh mục tài liệu tham khảo, ôn tập tại **Phụ lục IV** kèm theo Thông báo này; mô tả công việc của vị trí dự tuyển tại Phụ lục I kèm theo Thông báo số 143/TB-BGDĐT ngày 10/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tổ chức thi tuyển công chức năm 2023 và tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của ngạch công chức vị trí dự tuyển theo quy định hiện hành.

4. Thang điểm đánh giá phỏng vấn: 100 điểm. Việc xác định người trúng tuyển thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

5. Đề nghị các thí sinh đủ điều kiện dự thi Vòng 2 có mặt tại phòng chờ trước giờ thi theo thời gian tại Phụ lục III và mang theo Thẻ căn cước công dân hoặc một trong các giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có dán ảnh. Nếu thí sinh vắng mặt trong thời gian tổ chức thi đối với vị trí dự tuyển, được hiểu là không tiếp tục tham gia dự thi tuyển.

Mọi thắc mắc liên quan đến việc tổ chức thi tuyển công chức, vui lòng liên hệ Vụ Tổ chức cán bộ qua số điện thoại: 024.38695144 (số máy lẻ 426) hoặc số điện thoại 0965 399 882 để được hướng dẫn, giải đáp./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Chủ tịch Hội đồng (để b/c);
- Các thành viên Hội đồng;
- Các thành viên Ban Giám sát;
- Thí sinh tại Phụ lục I;
- Trung tâm Truyền thông giáo dục (để đăng tin);
- Cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, TCCB, HĐT, H15.

TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Viết Lộc
Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2023

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, ĐƯỢC TRIỆU TẬP DỰ THI VÒNG 2
KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2023

(Kèm theo Thông báo số: 41 /TB-HĐTTCC ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng thi tuyển công chức
Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2023)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Ngạch công chức vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi Vòng 1 (Đủ điều kiện/Không đủ điều kiện dự thi Vòng 2)	Ghi chú
1	Nguyễn Thủy An	31/12/1999	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Chuyên viên	Vụ pháp chế		Đủ điều kiện	
2	Đỗ Hải Anh	16/03/1999	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Chuyên viên	Vụ pháp chế		Đủ điều kiện	
3	Vì Thị Quỳnh Anh	02/12/1997	Nữ	Thái	Pháp chế ngành giáo dục	Chuyên viên	Vụ pháp chế	Người dân tộc thiểu số	Đủ điều kiện	
4	Vũ Quỳnh Anh	03/10/2000	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	Vụ Pháp chế		Đủ điều kiện	
5	Nguyễn Trâm Anh	21/08/1998	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	Vụ Pháp chế		Đủ điều kiện	
6	Nguyễn Thị Hà Anh	28/11/2000	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Chuyên viên	Cục Hợp tác quốc tế		Đủ điều kiện	
7	Nguyễn Hà Vân Anh	23/08/1999	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Chuyên viên	Cục Hợp tác quốc tế		Đủ điều kiện	
8	Quách Thị Vân Anh	03/11/1998	Nữ	Kinh	Phụ trách nhóm ngành	Chuyên viên	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Đủ điều kiện	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Ngạch công chức vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi Vòng 1 (Đủ điều kiện/Không đủ điều kiện dự thi Vòng 2)	Ghi chú
9	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	15/10/1997	Nữ	Kinh	Phụ trách nhóm ngành	Chuyên viên	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Đủ điều kiện	
10	Lê Ngọc Ánh	04/11/1999	Nữ	Kinh	Văn thư - Lưu trữ	Chuyên viên	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Đủ điều kiện	
11	Nguyễn Thành Đạt	31/12/1993	Nam	Kinh	Quản lý chương trình giáo dục thường xuyên	Chuyên viên	Vụ Giáo dục thường xuyên		Đủ điều kiện	
12	Vũ Xuân Đình	04/06/2000	Nam	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Chuyên viên	Vụ pháp chế		Đủ điều kiện	
13	Trần Thị Thuỳ Dương	08/08/1987	Nữ	Kinh	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục (Phòng Ứng dụng CNTT)	Chuyên viên	Cục Công nghệ thông tin		Đủ điều kiện	
14	Nguyễn Hữu Dương	12/03/1993	Nam	Kinh	Phụ trách nhóm ngành	Chuyên viên	Văn phòng Hội đồng Giáo sư		Đủ điều kiện	
15	Vũ Hoàng Giang	17/01/1976	Nam	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	Vụ Pháp chế		Đủ điều kiện	
16	Bùi Văn Giàu	10/10/1980	Nam	Kinh	Tổng Hợp	Chuyên viên	Văn phòng		Đủ điều kiện	
17	Lê Thị Ngọc Hà	10/11/2000	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	Vụ Pháp chế		Đủ điều kiện	
18	Nguyễn Thuý Hà	05/12/1997	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Chuyên viên	Cục Hợp tác quốc tế		Đủ điều kiện	
19	Phạm Văn Hải	27/07/1984	Nam	Kinh	Tổng hợp	Chuyên viên	Văn phòng		Đủ điều kiện	
20	Phạm Thu Hằng	09/11/2000	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Chuyên viên	Vụ pháp chế		Đủ điều kiện	
21	Tô Thúy Hằng	30/09/1997	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Chuyên viên	Vụ pháp chế		Đủ điều kiện	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Ngạch công chức vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi Vòng 1 (Đủ điều kiện/Không đủ điều kiện dự thi Vòng 2)	Ghi chú
22	Chu Thị Phương Hạnh	31/12/1991	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Chuyên viên	Cục Hợp tác quốc tế		Đủ điều kiện	
23	Vũ Thu Hiền	03/11/1999	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	Vụ Pháp chế		Đủ điều kiện	
24	Trần Đức Hiếu	30/06/1997	Nam	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	Vụ Pháp chế		Đủ điều kiện	
25	Lê Ngọc Hòa	01/03/1999	Nam	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Chuyên viên	Vụ pháp chế		Đủ điều kiện	
26	Trần Thị Hoài	09/03/1997	Nữ	Kinh	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục (thuộc Phòng Chính sách công nghệ thông tin)	Chuyên viên	Cục Công nghệ thông tin		Đủ điều kiện	
27	Lê Thị Hồng	20/5/1987	Nữ	Kinh	Văn thư - Lưu trữ	Chuyên viên	Văn phòng Hội đồng Giáo sư		Đủ điều kiện	
28	Ngô Mạnh Hùng	02/02/1984	Nam	Kinh	Giáo dục quốc tế	Chuyên viên	Cục Hợp tác quốc tế		Đủ điều kiện	
29	Dương Thị Hường	09/09/1996	Nữ	Kinh	Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Đủ điều kiện	
30	Lê Trung Huy	19/03/2000	Nam	Kinh	Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Đủ điều kiện	
31	Nguyễn Thị Thu Huyền	17/08/1999	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Chuyên viên	Vụ pháp chế		Đủ điều kiện	
32	Cao Thanh Huyền	21/02/1997	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	Vụ Pháp chế		Đủ điều kiện	
33	Phạm Năng Khánh	05/05/1982	Nam	Kinh	Tổng hợp	Chuyên viên	Văn phòng		Đủ điều kiện	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Ngạch công chức vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi Vòng 1 (Đủ điều kiện/Không đủ điều kiện dự thi Vòng 2)	Ghi chú
34	Tạ Thị Vân Khánh	02/09/1999	Nữ	Kinh	Kế toán kiêm hành chính - tổng hợp	Chuyên viên	Cục Công nghệ thông tin		Đủ điều kiện	
35	Trần Phương Lan	20/04/1999	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	Vụ Pháp chế		Đủ điều kiện	
36	Phan Thị Lan	09/03/1985	Nữ	Cao Lan	Phụ trách nhóm ngành	Chuyên viên	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước	Người dân tộc thiểu số	Đủ điều kiện	
37	Nguyễn Thị Kim Liên	23/04/1984	Nữ	Kinh	Tổng hợp	Chuyên viên	Văn phòng		Đủ điều kiện	
38	Trần Thị Bích Liên	15/01/1993	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Chuyên viên	Vụ pháp chế		Đủ điều kiện	
39	Nguyễn Thị Phương Liên	08/08/1999	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Chuyên viên	Cục Hợp tác quốc tế		Đủ điều kiện	
40	Đoàn Thị Thùy Linh	30/11/1997	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Chuyên viên	Cục Hợp tác quốc tế		Đủ điều kiện	
41	Đào Cẩm Ly	27/11/2000	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	Vụ Pháp chế		Đủ điều kiện	
42	Lương Lệ Mai	12/06/1996	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Chuyên viên	Vụ pháp chế		Đủ điều kiện	
43	Nguyễn Thanh Mai	30/09/1997	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Chuyên viên	Vụ pháp chế		Đủ điều kiện	
44	Nguyễn Đình Mạnh	12/08/1990	Nam	Kinh	Phụ trách nhóm ngành	Chuyên viên	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Đủ điều kiện	
45	Vũ Thị Mây	20/07/1986	Nữ	Kinh	Tổng hợp	Chuyên viên	Văn phòng		Đủ điều kiện	
46	Vũ Tuấn Minh	05/12/1986	Nam	Kinh	Quản lý chương trình Giáo dục thường xuyên	Chuyên viên	Vụ Giáo dục thường xuyên	Sĩ quan Công an xuất ngũ	Đủ điều kiện	
47	Nguyễn Đình Phúc Minh	01/01/2000	Nam	Kinh	Pháp chế ngành Giáo dục	Chuyên viên	Vụ pháp chế		Đủ điều kiện	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Ngạch công chức vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi Vòng 1 (Đủ điều kiện/Không đủ điều kiện dự thi Vòng 2)	Ghi chú
48	Nguyễn Quang Minh	14/06/1999	Nam	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	Vụ Pháp chế		Đủ điều kiện	
49	Phùng Văn Ngọc	10/02/1985	Nam	Kinh	Phụ trách nhóm ngành	Chuyên viên	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Đủ điều kiện	
50	Nguyễn Thế Nguyên	09/01/1996	Nam	Kinh	Giáo dục quốc tế	Chuyên viên	Cục Hợp tác quốc tế		Đủ điều kiện	
51	Phạm Mai Nguyệt	23/11/1999	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	Vụ Pháp chế		Đủ điều kiện	
52	Lý Ngọc Tuyết Nhi	01/07/1999	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Chuyên viên	Vụ pháp chế		Đủ điều kiện	
53	Nguyễn Trang Nhung	08/06/2000	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Chuyên viên	Cục Hợp tác quốc tế		Đủ điều kiện	
54	Nguyễn Văn Noi	10/03/1985	Nam	Kinh	Phụ trách nhóm ngành	Chuyên viên	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Đủ điều kiện	
55	Bùi Lê Nam Phương	29/05/2000	Nam	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	Vụ Pháp chế		Đủ điều kiện	
56	Nguyễn Thị Phương	27/04/1985	Nữ	Kinh	Phụ trách nhóm ngành	Chuyên viên	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Đủ điều kiện	
57	Hà Phương	26/07/1986	Nữ	Kinh	Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước	Con bệnh binh	Đủ điều kiện	
58	Đặng Hồng Thái	17/10/1990	Nam	Kinh	Phụ trách nhóm ngành	Chuyên viên	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Đủ điều kiện	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Ngạch công chức vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi Vòng 1 (Đủ điều kiện/Không đủ điều kiện dự thi Vòng 2)	Ghi chú
59	Hoàng Văn Thành	20/10/1981	Nam	Tày	Giáo dục quốc tế	Chuyên viên	Cục Hợp tác quốc tế	Người dân tộc thiểu số	Đủ điều kiện	
60	Phạm Linh Thảo	13/02/1999	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Chuyên viên	Vụ pháp chế		Đủ điều kiện	
61	Hoàng Thị Minh Thảo	21/07/1997	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	Vụ Pháp chế		Đủ điều kiện	
62	Lò Thị Mai Thi	15/07/1993	Nữ	Thái	Pháp chế ngành giáo dục	Chuyên viên	Vụ pháp chế	Người dân tộc thiểu số	Đủ điều kiện	
63	Trần Trung Thông	16/05/1986	Nam	Kinh	Giáo dục quốc tế	Chuyên viên	Cục Hợp tác quốc tế	Con thương binh	Đủ điều kiện	
64	Trương Thanh Thúy	18/09/1999	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Chuyên viên	Cục Hợp tác quốc tế	Con thương binh	Đủ điều kiện	
65	Ngô Thanh Thủy	03/08/1996	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	Vụ Pháp chế		Đủ điều kiện	
66	Uông Thị Mai Trang	20/04/1985	Nữ	Kinh	Quản lý chương trình giáo dục thường xuyên	Chuyên viên	Vụ Giáo dục thường xuyên		Đủ điều kiện	
67	Đồng Phú Trọng	20/10/2000	Nam	Kinh	Văn thư - Lưu trữ	Chuyên viên	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Đủ điều kiện	
68	Lê Đình Trung	12/04/1994	Nam	Kinh	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục (Phòng Ứng dụng CNTT)	Chuyên viên	Cục Công nghệ thông tin		Đủ điều kiện	
69	Đàm Quang Trung	14/02/1992	Nam	Kinh	Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Đủ điều kiện	
70	Nguyễn Minh Tú	30/10/1998	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Chuyên viên	Cục Hợp tác quốc tế		Đủ điều kiện	
71	Dương Hồng Tuấn	10/11/1990	Nam	Kinh	Tổng hợp	Chuyên viên	Văn phòng	Có chứng nhận Đội	Đủ điều kiện	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Ngạch công chức vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Kết quả thi Vòng 1 (Đủ điều kiện/Không đủ điều kiện dự thi Vòng 2)	Ghi chú
72	Trương Thảo Vân	10/11/2000	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Chuyên viên	Vụ pháp chế		Đủ điều kiện	
73	Phan Thảo Vân	06/03/1999	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Chuyên viên	Vụ pháp chế		Đủ điều kiện	
74	Nguyễn Huy Vũ	15/12/1989	Nam	Kinh	Quản trị công sở (Mô tả công việc: Quy hoạch kiến trúc công sở, xây dựng cơ bản)	Cán sự	Văn phòng		Đủ điều kiện	
75	Nguyễn Anh Vũ	09/05/1986	Nam	Kinh	Kế toán kiêm hành chính - tổng hợp	Chuyên viên	Cục Công nghệ thông tin		Đủ điều kiện	

Ấn định danh sách có 75 người./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2023

PHỤ LỤC II
LỊCH THI VÀ ĐỊA ĐIỂM THI VÒNG 2 THEO CÁC VỊ TRÍ THI TUYỂN
(Kèm theo Thông báo số: 41 /TB-HĐTTCC ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng
thi tuyển công chức Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2023)

TT	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị có vị trí tuyển dụng	Lịch phỏng vấn Vòng 2	Địa điểm	Ghi chú
1	Giáo dục quốc tế	Cục Hợp tác quốc tế	Từ thứ Hai, ngày 29/5/2023 đến hết thứ Ba, ngày 30/5/2023 (buổi Sáng bắt đầu từ 08h30; buổi Chiều bắt đầu từ 14h00)	Phòng họp E, Nhà A	
2	Phụ trách nhóm ngành	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước	Thứ Ba, ngày 30/5/2023 (buổi Sáng bắt đầu từ 08h30; buổi Chiều bắt đầu từ 14h00)	Phòng họp H, Nhà A	
3	Hành chính - Tổng hợp	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước	Thứ Tư, ngày 31/5/2023 (buổi Sáng, bắt đầu từ 08h30)		
4	Văn thư - Lưu trữ	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước	Thứ Tư, ngày 31/5/2023 (buổi Chiều, bắt đầu từ 14h00)		
5	Quản lý chương trình giáo dục thường xuyên	Vụ Giáo dục thường xuyên	Thứ Ba, ngày 30/5/2023 (buổi Sáng, bắt đầu từ 08h30)	Phòng họp A206, Nhà A	

TT	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị có vị trí tuyển dụng	Lịch phỏng vấn Vòng 2	Địa điểm	Ghi chú
6	Tổng hợp	Văn phòng	Thứ Tư, ngày 31/5/2023 (buổi Sáng, bắt đầu từ 08h30; buổi Chiều bắt đầu từ 14h00)	Phòng họp A206, Nhà A	
7	Quản trị công sở (Mô tả công việc: Quy hoạch kiến trúc công sở, xây dựng cơ bản)	Văn phòng	Thứ Tư, ngày 31/5/2023 (buổi Chiều)		
8	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục (thuộc Phòng Chính sách công nghệ thông tin)	Cục Công nghệ thông tin	Thứ Tư, ngày 31/5/2023 (buổi Sáng, bắt đầu từ 08h30)	Phòng họp E, Nhà A	
9	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục (Phòng Ứng dụng công nghệ thông tin)	Cục Công nghệ thông tin	Thứ Tư, ngày 31/5/2023 (buổi Sáng, bắt đầu từ 09h30)		
10	Kế toán kiểm hành chính - tổng hợp	Cục Công nghệ thông tin	Thứ Tư, ngày 31/5/2023 (buổi Chiều bắt đầu từ 14h00)		
11	Pháp chế ngành giáo dục	Vụ pháp chế	Từ thứ Hai, ngày 29/5/2023 đến hết thứ Tư, ngày 31/5/2023 (buổi Sáng bắt đầu từ 08h30; buổi Chiều bắt đầu từ 14h00)	Phòng họp G, Nhà A	
12	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Vụ Pháp chế			

Ghi chú: Thí sinh ngồi chờ và chuẩn bị tại Phòng B

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2023

PHỤ LỤC III
LỊCH THI SINH CÓ MẶT DỰ THI VÒNG 2

(Kèm theo Thông báo số: **41** /TB-HĐTCC ngày **18** tháng **5** năm 2023 của Hội đồng thi tuyển công chức
Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2023)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thời gian thi sinh có mặt	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hà Anh	28/11/2000	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Cục Hợp tác quốc tế		Từ 07h30 thứ Hai, ngày 29/5/2023	
2	Nguyễn Hà Vân Anh	23/08/1999	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Cục Hợp tác quốc tế			
3	Nguyễn Thuý Hà	05/12/1997	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Cục Hợp tác quốc tế		Từ 09h30 thứ Hai, ngày 29/5/2023	
4	Chu Thị Phương Hạnh	31/12/1991	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Cục Hợp tác quốc tế		Từ 14h00 thứ Hai, ngày 29/5/2023	
5	Ngô Mạnh Hùng	02/02/1984	Nam	Kinh	Giáo dục quốc tế	Cục Hợp tác quốc tế			
6	Nguyễn Thị Phương Liên	08/08/1999	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Cục Hợp tác quốc tế		Từ 15h00 thứ Hai, ngày 29/5/2023	
7	Đoàn Thị Thùy Linh	30/11/1997	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Cục Hợp tác quốc tế			
8	Nguyễn Thế Nguyên	09/01/1996	Nam	Kinh	Giáo dục quốc tế	Cục Hợp tác quốc tế		Từ 07h30 thứ Ba, ngày 30/5/2023	
9	Nguyễn Trang Nhung	08/06/2000	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Cục Hợp tác quốc tế			
10	Hoàng Văn Thành	20/10/1981	Nam	Tày	Giáo dục quốc tế	Cục Hợp tác quốc tế	Người dân tộc thiểu số	Từ 09h30 thứ Ba, ngày 30/5/2023	
11	Trần Trung Thông	16/05/1986	Nam	Kinh	Giáo dục quốc tế	Cục Hợp tác quốc tế	Con thương binh	Từ 14h00 thứ Ba, ngày 30/5/2023	
12	Trương Thanh Thúy	18/09/1999	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Cục Hợp tác quốc tế	Con thương binh		

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thời gian thí sinh có mặt	Ghi chú
13	Nguyễn Minh Tú	30/10/1998	Nữ	Kinh	Giáo dục quốc tế	Cục Hợp tác quốc tế		Từ 15h00 thứ Ba, ngày 30/5/2023	
14	Quách Thị Vân Anh	03/11/1998	Nữ	Kinh	Phụ trách nhóm ngành	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Từ 07h30 thứ Ba, ngày 30/5/2023	
15	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	15/10/1997	Nữ	Kinh	Phụ trách nhóm ngành	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước			
16	Nguyễn Hữu Dương	12/03/1993	Nam	Kinh	Phụ trách nhóm ngành	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Từ 09h30 thứ Ba, ngày 30/5/2023	
17	Phan Thị Lan	09/03/1985	Nữ	Cao Lan	Phụ trách nhóm ngành	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước	Người dân tộc thiểu số		
18	Nguyễn Đình Mạnh	12/08/1990	Nam	Kinh	Phụ trách nhóm ngành	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Từ 14h00 thứ Ba, ngày 30/5/2023	
19	Phùng Văn Ngọc	10/02/1985	Nam	Kinh	Phụ trách nhóm ngành	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước			
20	Nguyễn Văn Noi	10/03/1985	Nam	Kinh	Phụ trách nhóm ngành	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Từ 15h00 thứ Ba, ngày 30/5/2023	
21	Nguyễn Thị Phương	27/04/1985	Nữ	Kinh	Phụ trách nhóm ngành	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước			
22	Đặng Hồng Thái	17/10/1990	Nam	Kinh	Phụ trách nhóm ngành	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước			
23	Dương Thị Hường	09/09/1996	Nữ	Kinh	Hành chính - Tổng hợp	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Từ 07h30 thứ Tư, ngày 31/5/2023	
24	Lê Trung Huy	19/03/2000	Nam	Kinh	Hành chính - Tổng hợp	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước			
25	Hà Phương	26/07/1986	Nữ	Kinh	Hành chính - Tổng hợp	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước	Con bệnh binh	Từ 09h30 thứ Tư, ngày 31/5/2023	
26	Đàm Quang Trung	14/02/1992	Nam	Kinh	Hành chính - Tổng hợp	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước			
27	Lê Ngọc Ánh	04/11/1999	Nữ	Kinh	Văn thư - Lưu trữ	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Từ 14h00 thứ Tư,	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thời gian thí sinh có mặt	Ghi chú
28	Lê Thị Hồng	20/5/1987	Nữ	Kinh	Văn thư - Lưu trữ	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		ngày 31/5/2023	
29	Đổng Phú Trọng	20/10/2000	Nam	Kinh	Văn thư - Lưu trữ	Văn phòng Hội đồng Giáo sư Nhà nước		Từ 15h00 thứ Tư, ngày 31/5/2023	
30	Nguyễn Thành Đạt	31/12/1993	Nam	Kinh	Quản lý chương trình giáo dục thường xuyên	Vụ Giáo dục thường xuyên		Từ 07h30 thứ Ba, ngày 30/5/2023	
31	Vũ Tuấn Minh	05/12/1986	Nam	Kinh	Quản lý chương trình Giáo dục thường xuyên	Vụ Giáo dục thường xuyên	Sĩ quan Công an xuất ngũ		
32	Uông Thị Mai Trang	20/04/1985	Nữ	Kinh	Quản lý chương trình giáo dục thường xuyên	Vụ Giáo dục thường xuyên		Từ 09h30 thứ Ba, ngày 30/5/2023	
33	Bùi Văn Giàu	10/10/1980	Nam	Kinh	Tổng Hợp	Văn phòng		Từ 07h30 thứ Tư, ngày 31/5/2023	
34	Phạm Văn Hải	27/07/1984	Nam	Kinh	Tổng hợp	Văn phòng			
35	Phạm Năng Khánh	05/05/1982	Nam	Kinh	Tổng hợp	Văn phòng		Từ 09h30 thứ Tư, ngày 31/5/2023	
36	Nguyễn Thị Kim Liên	23/04/1984	Nữ	Kinh	Tổng hợp	Văn phòng		Từ 14h00 thứ Tư, ngày 31/5/2023	
37	Vũ Thị Mây	20/07/1986	Nữ	Kinh	Tổng hợp	Văn phòng			
38	Dương Hồng Tuấn	10/11/1990	Nam	Kinh	Tổng hợp	Văn phòng	Có chứng nhận Đội viên Trí	Từ 15h00 thứ Tư, ngày 31/5/2023	
39	Nguyễn Huy Vũ	15/12/1989	Nam	Kinh	Quản trị công sở (Mô tả công việc: Quy hoạch kiến trúc công sở, xây dựng cơ bản)	Văn phòng			
40	Trần Thị Hoài	09/03/1997	Nữ	Kinh	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục (thuộc Phòng Chính sách công nghệ thông tin)	Cục Công nghệ thông tin		Từ 07h30 thứ Tư, ngày 31/5/2023	
41	Trần Thị Thuý Dương	08/08/1987	Nữ	Kinh	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục (Phòng Ứng dụng CNTT)	Cục Công nghệ thông tin			

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thời gian thí sinh có mặt	Ghi chú
42	Lê Đình Trung	12/04/1994	Nam	Kinh	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục (Phòng Ứng dụng CNTT)	Cục Công nghệ thông tin		Từ 09h30 thứ Tư, ngày 31/5/2023	
43	Tạ Thị Vân Khánh	02/09/1999	Nữ	Kinh	Kế toán kiêm hành chính - tổng hợp	Cục Công nghệ thông tin		Từ 14h00 thứ Tư, ngày 31/5/2023	
44	Nguyễn Anh Vũ	09/05/1986	Nam	Kinh	Kế toán kiêm hành chính - tổng hợp	Cục Công nghệ thông tin			
45	Nguyễn Thúy An	31/12/1999	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Vụ pháp chế		Từ 07h30 thứ Hai, ngày 29/5/2023	
46	Đỗ Hải Anh	16/03/1999	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Vụ pháp chế			
47	Vì Thị Quỳnh Anh	02/12/1997	Nữ	Thái	Pháp chế ngành giáo dục	Vụ pháp chế	Người dân tộc thiểu số		
48	Vũ Xuân Đình	04/06/2000	Nam	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Vụ pháp chế		Từ 09h30 thứ Hai, ngày 29/5/2023	
49	Phạm Thu Hằng	09/11/2000	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Vụ pháp chế			
50	Tô Thúy Hằng	30/09/1997	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Vụ pháp chế		Từ 14h00 thứ Hai, ngày 29/5/2023	
51	Lê Ngọc Hòa	01/03/1999	Nam	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Vụ pháp chế			
52	Nguyễn Thị Thu Huyền	17/08/1999	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Vụ pháp chế			
53	Trần Thị Bích Liên	15/01/1993	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Vụ pháp chế		Từ 15h00 thứ Hai, ngày 29/5/2023	
54	Lương Lệ Mai	12/06/1996	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Vụ pháp chế			
55	Nguyễn Thanh Mai	30/09/1997	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Vụ pháp chế		Từ 07h30 thứ Ba, ngày 30/5/2023	
56	Nguyễn Đình Phúc Minh	01/01/2000	Nam	Kinh	Pháp chế ngành Giáo dục	Vụ pháp chế			
57	Lý Ngọc Tuyết Nhi	01/07/1999	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Vụ pháp chế			

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thời gian thí sinh có mặt	Ghi chú
58	Phạm Linh Thảo	13/02/1999	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Vụ pháp chế		Từ 09h30 thứ Ba, ngày 30/5/2023	
59	Trương Thảo Vân	10/11/2000	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Vụ pháp chế			
60	Phan Thảo Vân	06/03/1999	Nữ	Kinh	Pháp chế ngành giáo dục	Vụ pháp chế		Từ 14h00 thứ Ba, ngày 30/5/2023	
61	Lò Thị Mai Thi	15/07/1993	Nữ	Thái	Pháp chế ngành giáo dục	Vụ pháp chế	Người dân tộc thiểu số		
62	Vũ Quỳnh Anh	03/10/2000	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Vụ Pháp chế			
63	Nguyễn Trâm Anh	21/08/1998	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Vụ Pháp chế		Từ 15h00 thứ Ba, ngày 30/5/2023	
64	Vũ Hoàng Giang	17/01/1976	Nam	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Vụ Pháp chế			
65	Vũ Thu Hiền	03/11/1999	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Vụ Pháp chế		Từ 07h30 thứ Tư, ngày 31/5/2023	
66	Trần Đức Hiếu	30/06/1997	Nam	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Vụ Pháp chế			
67	Lê Thị Ngọc Hà	10/11/2000	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Vụ Pháp chế			
68	Cao Thanh Huyền	21/02/1997	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Vụ Pháp chế		Từ 09h30 thứ Tư, ngày 31/5/2023	
69	Trần Phương Lan	20/04/1999	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Vụ Pháp chế			
70	Đào Cẩm Ly	27/11/2000	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Vụ Pháp chế		Từ 14h00 thứ Tư, ngày 31/5/2023	
71	Nguyễn Quang Minh	14/06/1999	Nam	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Vụ Pháp chế			
72	Phạm Mai Nguyệt	23/11/1999	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Vụ Pháp chế			

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Vị trí dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Thời gian thí sinh có mặt	Ghi chú
73	Bùi Lê Nam Phương	29/05/2000	Nam	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Vụ Pháp chế		Từ 15h00 thứ Tư, ngày 31/5/2023	
74	Hoàng Thị Minh Thảo	21/07/1997	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Vụ Pháp chế			
75	Ngô Thanh Thùy	03/08/1996	Nữ	Kinh	Kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Vụ Pháp chế			

Ấn định danh sách có 75 người./.

PHỤ LỤC IV

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO, ÔN TẬP VÒNG 2

(Kèm theo Thông báo số: 41 /TB-HĐTTCC ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng thi tuyển công chức Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2023)

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP VỊ TRÍ GIÁO DỤC QUỐC TẾ, CỤC HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Luật Giáo dục năm 2019.
2. Luật Giáo dục đại học năm 2012; được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13 và Luật số 34/2018/QH14.
3. Nghị quyết 29-NQ/TW năm 2013 đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế do Ban Chấp hành Trung ương ban hành.
4. Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.
5. Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam;
6. Quyết định số 4668/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;
7. Quyết định số 4546/QĐ-BGDĐT ngày 26/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các phòng thuộc Cục HTQT.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP

CÁC VỊ TRÍ CỦA VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

1. Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12; Luật số 52/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức (phần về công chức).
2. Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.
4. Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.
5. Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg.
6. Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư nhà nước, các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở.
7. Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư nhà nước, các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ngày 28/3/2019.
8. Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.
9. Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV.
10. Quyết định số 728/QĐ-BGDĐT ngày 25/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP

VỊ TRÍ QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

1. Luật Giáo dục năm 2019.
2. Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030".
3. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".
4. Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.
5. Quyết định số 4668/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.
6. Quyết định số 355/QĐ-BGDĐT ngày 25/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế làm việc của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
7. Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/05/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP

CÁC VỊ TRÍ CỦA VĂN PHÒNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

I. Vị trí Tổng hợp:

1. Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.
2. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.
3. Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4. Quyết định số 4668/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.
5. Quyết định số 355/QĐ-BGDĐT ngày 25/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế làm việc của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. Vị trí Quản trị công sở (Mô tả công việc: Quy hoạch kiến trúc công sở, xây dựng cơ bản)

1. Luật Đấu thầu năm 2013.
2. Luật Xây dựng năm 2014.
3. Luật Quy hoạch năm 2017.
4. Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
5. Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
6. Thông tư số 65/2021/TT-BT ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.
7. Quyết định số 423/QĐ-TTg ngày 20/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch xây dựng hệ thống trụ sở làm việc của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các đoàn thể tại thủ đô Hà Nội đến năm 2030.
8. Quyết định số 4668/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Quyết định số 355/QĐ-BGDĐT ngày 25/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế làm việc của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Quyết định số 2550/QĐ-BGDĐT ngày 10/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công trong cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP

CÁC VỊ TRÍ CỦA CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

I. Vị trí Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục (thuộc Phòng Chính sách công nghệ thông tin, Phòng Ứng dụng công nghệ thông tin):

1. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".

2. Quyết định số 4668/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Quyết định số 355/QĐ-BGDĐT ngày 25/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế làm việc của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Quyết định số 4919/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ GDĐT.

5. Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/05/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học.

7. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

II. Vị trí Kế toán kiêm hành chính - tổng hợp (thuộc Phòng Hành chính - Tổng hợp):

1. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".

2. Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

3. Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

4. Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

5. Quyết định số 4919/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 của Bộ GDĐT.

6. Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/05/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Quyết định số 4668/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Quyết định số 355/QĐ-BGDĐT ngày 25/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế làm việc của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP CÁC VỊ TRÍ CỦA VỤ PHÁP CHẾ

1. Luật Giáo dục năm 2019.
2. Luật Giáo dục đại học năm 2012; được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13 và Luật số 34/2018/QH14.
3. Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012.
4. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015; Luật sửa đổi, bổ sung năm 2020.
5. Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.
6. Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.
7. Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật.
8. Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 34/2015/NĐ-CP.
9. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.
10. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.
11. Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.
12. Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho 9 công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;
13. Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC.

14. Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

15. Quyết định số 4668/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.